

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST  
Ngày: 24/4/2024  
*V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Mai Quốc Bảo**

**Bà Võ Tuyết Kha**

*Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Áp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ.***

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lư Trường L**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **Áp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.** (*Vắng mặt*)*

*Bị đơn: Ông **Văn Minh C**; Địa chỉ: **Áp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.** (*Vắng mặt*)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, ông **Lư Trường L** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03/7/2023 âm lịch (tương ứng ngày 18/8/2023 dương lịch), giữa ông **M** và ông **Văn Minh C** thống nhất xác lập hợp đồng mua bán lúa tươi với nội dung:

Ông C bán cho ông M lúa tươi loại giống OM 18 với số lượng từ 250 -270 tấn, với giá bán là 8.000 đồng/kg; Ông C sẽ cắt lúa vào các ngày 12, 17, 25 tháng 7 năm 2023 âm lịch (tương ứng ngày 27 tháng 8 và ngày 01, 09 tháng 9 năm 2023 dương lịch), còn ông M sẽ đưa ghe xuống để nhận lúa tương ứng vào các ngày 13, 18, 26 tháng 7 năm 2023 âm lịch (tương ứng ngày 28 tháng 8 và ngày 02, 10 tháng 9 năm 2023 dương lịch). Ông M đặt cọc trước cho ông C số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), mỗi chuyến nhận lúa sẽ trả đủ tiền theo khối lượng lúa thực nhận.

Hai bên thống nhất lập “Hợp đồng mua bán lúa” đề ngày 03/7/2023 âm lịch với nội dung như trên; ông M đã đưa cho ông C số tiền cọc 90.000.000 đồng; tại hợp đồng đã thể hiện việc đưa cọc nên khi ông M đưa tiền cho ông C thì không có làm biên nhận riêng. Ông C ký tên vào hợp đồng và mỗi bên giữ 01 bản.

Đến thời điểm thu hoạch lúa vào các ngày 12, 17, 25 tháng 7 năm 2023 âm lịch, ông M đã liên hệ ông C để đưa ghe xuống nhận lúa nhưng ông C cho rằng nông dân không bán nên không có lúa để giao. Sau ngày 26/7/2023 âm lịch, ông M đã yêu cầu ông C trả lại số tiền cọc 90.000.000 đồng nhưng ông C mới trả được số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 16/9/2023; còn lại 70.000.000 đồng chỉ hứa hẹn và đến nay vẫn chưa hoàn trả tiền.

Việc không có lúa để giao cho ông M theo hợp đồng là lỗi thuộc bên bán là ông C; ông M chỉ yêu cầu ông C hoàn trả số tiền đã nhận cọc, không yêu cầu bên ông C bồi thường tiền cọc theo hợp đồng nhưng ông C không có thiện chí trả. Như vậy, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M.

Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Văn M1 Chí trả số tiền gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 26/7/2023 âm lịch (tương ứng là ngày 10/9/2023 dương lịch) đến ngày Tòa án giải quyết.

Ngày 23/4/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông M xác định hiện tại, ông M chỉ yêu cầu ông C trả số tiền gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày Tòa án giải quyết. Do đó, ông M rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông C trả tiền lãi nữa.

Ngoài ra, ông M không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề nào khác.

**Bị đơn ông Văn Minh C** đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông C không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông M. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:**

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay,



đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Khi thụ lý vụ án, Thẩm phán xác định vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là chưa đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh quan hệ tranh chấp thành quan hệ tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

+ *Về nội dung vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông M buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền đặt cọc 70.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi do ông M rút yêu cầu khởi kiện.

Án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông M khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Khi khởi kiện, ông M yêu cầu ông C trả số tiền theo Hợp đồng mua bán là 70.000.000 đồng, căn cứ trên yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án đã thụ lý quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Quá trình tố tụng, căn cứ trên lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng đặt cọc” là phù hợp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo ông M xác định, vào ngày 03/7/2023 âm lịch (*tương ứng ngày 18/8/2023 dương lịch*), ông M ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi với ông C, loại giống lúa OM 18, số lượng từ 250-270 tấn lúa, với giá 8.000 đồng/kg, ông C sẽ cắt lúa vào các ngày 12, 17, 25 tháng 7/2023, ông M nhận lúa vào các ngày 13, 18, 26 tháng 7/2023, số tiền ông M đặt cọc trước cho ông C là 90.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã không thực hiện nghĩa vụ giao lúa đúng theo hợp đồng các bên đã ký kết và ông C chỉ trả cho ông M được số tiền đặt cọc là 20.000.000 đồng. Hiện tại, ông C còn nợ tiền cọc lúa là 70.000.000 đồng.

[2] Căn cứ vào hợp đồng mua bán lúa ngày 03/7/2023 âm lịch do ông M cung cấp, có chữ ký của ông C, có nội dung thể hiện: Ông C có nhận tiền cọc lúa từ ông M số tiền 90.000.000 đồng. Như vậy, việc ký kết hợp đồng mua bán lúa và giao nhận số tiền cọc 90.000.000 đồng, giữa ông M và ông C là có xảy ra trên thực tế.

[3] Xét thấy, việc ông C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao lúa tươi cho ông M theo hợp đồng các bên đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ của bên bán. Do đó, ông C phải có nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc lúa đã nhận cho anh M.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc ông M khởi kiện đối với ông C nhưng ông C không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Từ đó cho thấy, ông C đã mặc nhiên thừa nhận còn thiếu ông M số tiền cọc lúa là 70.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi lại tiền cọc lúa của ông M số tiền 70.000.000 đồng, buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 70.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt cọc nên không xem xét giải quyết.

[5] Khi khởi kiện, ông M yêu cầu ông C trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 70.000.000 đồng, kể từ ngày 26/7/2023 âm lịch (tương ứng ngày 10/9/2023 dương lịch) đến ngày Tòa án giải quyết. Đến ngày 23/4/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về tính lãi lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả lãi cho ông M. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí dân sự không có giá ngạch buộc ông C nộp là 300.000 đồng.

Ông M không phải chịu án phí, án phí mà ông M đã dự nộp sẽ được hoàn lại toàn bộ.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 328; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M đối với ông Văn Minh C.



Buộc ông Văn Minh C có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn M số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

2/ Đình chỉ xét xử do ông Phạm Văn M rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Văn M1 Chí trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 70.000.000 đồng, kể từ ngày 26/7/2023 âm lịch (tương ứng ngày 10/9/2023 dương lịch) đến ngày Tòa án giải quyết.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Buộc ông Văn Minh C nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông Phạm Văn M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng tại biên lai thu số 0006491 ngày 15/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long trong giai đoạn thi hành án.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Văn Đệp**